

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 7 - 2026

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con,
tranh chấp chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Hiếu.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Nhạn** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, tranh chấp chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Phạm Thanh N**, ngày 16/5/1997 – CCCD số 0940YY; Nơi cư trú: Ấp A, xã N, thành phố Cần Thơ; (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà **Lương Thị Anh T**, sinh ngày 15/5/1999 - CCCD số 0941XX; Nơi cư trú: Ấp B, xã N, thành phố Cần Thơ; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Thanh N trình bày:**

Ông Phạm Thanh N và bà Lương Thị Anh T quen biết nhau, có tình cảm và được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2018. Vợ chồng ông Phạm Thanh N đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã N, thành phố Cần Thơ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2018, cấp ngày 18/09/2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông Phạm Thanh N có 02 con chung tên: Phạm Lương Gia N1, sinh ngày: 26/12/2018 hiện nay con đang ở với mẹ; Phạm Lương Gia H, sinh ngày 10/07/2022 hiện nay đang sống chung với cha.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, vợ ông Phạm Thanh N là bà Lương Thị Anh T bắt đầu ngoại tình với người đàn ông khác bên ngoài từ tháng 02/2026 đến nay và bà Lương Thị Anh T đã dọn về sống chung với

người đàn ông này từ thời điểm đó đến nay mà không quan tâm đến các con. Cháu Phạm Lương Gia N1, sinh ngày: 26/12/2018 dù bà Lương Thị Anh T giành nuôi con nhưng bà Lương Thị Anh T lại giao con cho bà ngoài và di ruột nuôi dưỡng chứ bà Lương Thị Anh T không trực tiếp nuôi con và cũng quan tâm chăm sóc con.

Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa ông Phạm Thanh N và vợ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Phạm Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Nay ông Phạm Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Thanh N yêu cầu được ly hôn với bà Lương Thị Anh T;

- Về con chung: Ông Phạm Thanh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên: Phạm Lương Gia N1, sinh ngày 26/12/2018 và Phạm Lương Gia H, sinh ngày 10/7/2022 cho đến khi đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông Phạm Thanh N, bà Lương Thị Anh T có mua được 01 chiếc xe HOND JF953 SH125i, có số khung: RLHJF9533SY004316, số máy: JK 18E- 0322587, Màu: Trắng Đen. Chiếc xe có giá trị lúc mua là 84.999.000 đồng vào tháng 05/2025. Giá trị hiện tại còn khoảng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Lúc mua chiếc xe này là tiền của ông Phạm Thanh N chạy xe tải và xe chở khách kiếm được, lúc mua xe ông Phạm Thanh N để cho bà Lương Thị Anh T đứng tên chiếc xe vì nghĩ đây là tài sản chung của vợ chồng, ông Phạm Thanh N mua cho vợ chạy. Và hiện nay giấy tờ xe do bà Lương Thị Anh T đang quản lý, cất giữ nên không cung cấp cho Tòa án được. Nay ông Phạm Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi giá trị tài sản chung của vợ chồng là chiếc xe 01 chiếc xe HOND JF953 SH125i, có số khung: RLHJF9533SY004316, số máy: JK18E-0322587, Màu: Trắng Đen. Chiếc xe có giá trị lúc mua là 84.999.000 đồng vào tháng 05/2025. Giá trị hiện tại còn khoảng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), ông Phạm Thanh N yêu cầu được nhận 50% giá trị tài sản chung bằng tiền tương đương với số tiền là 40.000.000 đồng, ông Phạm Thanh N đồng ý giao lại chiếc xe cho bà Lương Thị Anh T.

- Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông Phạm Thanh N, bà Lương Thị Anh T có tham gia 02 dây hụi và đã hốt hụi sống, còn hụi chết thì ông Phạm Thanh N và bà Lương Thị Anh T hiện nay đang đóng hụi chết. Nhưng do hụi chưa mãn, nên ông Phạm Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Phạm Thanh N đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau:

- + Căn cước công dân tên Phạm Thanh N (chứng thực);
- + Căn cước công dân tên Lương Phạm Anh Thư (bản sao);
- + Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2018, ngày 18/9/2018 do UBND xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp;
- + Giấy khai sinh tên Phạm Lương Gia N1, sinh ngày 26/12/2018 và Phạm Lương Gia H, sinh ngày 10/7/2022 (bản sao trích lục);

+ Bản in từ hình ảnh một hóa đơn giá trị gia tăng ngày 04/5/2025;

* ***Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lương Thị Anh T:*** chỉ đồng ý ly hôn, không đồng ý giao cho ông Phạm Thanh N nuôi dưỡng cả hai con chung mà bà yêu cầu được nuôi một con chung. Không đồng ý chia tài sản chung vì tài sản là của cá nhân bị đơn tự mua. Xác định không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn ông Phạm Thanh N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Lương Thị Anh T; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Lương Gia H, sinh ngày 10/7/2022 đến khi thành niên và không yêu cầu bà Lương Thị Anh T phải cấp dưỡng cho con; Ông Phạm Thanh N đồng ý giao con chung tên Phạm Lương Gia N1, sinh ngày 26/12/2018 cho bà Lương Thị Anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Nguyên đơn và bị đơn không phải cấp dưỡng cho con chung. Tài sản chung nguyên đơn và bị đơn muốn xác định tự thỏa thuận lại, không yêu cầu tòa giải quyết. Nợ chung không có.

* Bị đơn bà Lương Thị Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn đưa ra. Đồng ý giao con chung và nuôi con chung như nguyên đơn xác định. Riêng về tài sản chung bị đơn xác định đây là tiền trả góp từ việc làm thuê hằng tháng sau thời gian vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Đề nghị nguyên đơn xem xét lại. Đây là tài sản của riêng bị đơn tạo lập được. Bị đơn xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

* Nguyên đơn thống nhất với toàn bộ ý kiến của bị đơn đưa ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 02/6/2026, ông Phạm Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Lương Thị Anh T có nơi cư trú tại ấp B, xã N, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn ông Phạm Thanh N về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, tranh chấp chia tài sản chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018 ông Phạm Thanh N cùng bà Lương Thị Anh T tự nguyện kết hôn và tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2018, ngày 18/9/2018. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Thanh N và bà Lương Thị Anh T là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của ông Phạm Thanh N: Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng ông Phạm Thanh N bà Lương Thị Anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2026 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống. Theo ông Phạm Thanh N xác định nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân. Bà Lương Thị Anh T cũng thống nhất việc này. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải trước khi xét xử cũng như hòa giải tại phiên tòa. Theo đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa để cho vợ chồng nguyên đơn, bị đơn ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh N cho ông Phạm Thanh N được ly hôn với cho bà Lương Thị Anh T.

[3.3] Về con chung: Ông Phạm Thanh N và bà Lương Thị Anh T cùng xác định thời gian chung sống, vợ chồng ông Phạm Thanh N và bà Lương Thị Anh T có hai người con chung tên: Phạm Lương Gia N1, sinh ngày 26/12/2018 và Phạm Lương Gia H, sinh ngày 10/7/2022 thể hiện là con chung của ông Phạm Thanh N, bà Lương Thị Anh T.

[3.4] Xét nội dung thỏa thuận: ông Phạm Thanh N và bà Lương Thị Anh T thỏa thuận giao con chung tên Phạm Lương Gia N1, sinh ngày 26/12/2018 cho bà Lương Thị Anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và giao con chung Phạm Lương Gia H, sinh ngày 10/7/2022 cho ông Phạm Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng cho con chung. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận và căn cứ khoản 2 Điều 81 giao cháu Phạm Lương Gia H, sinh ngày 10/7/2022 cho ông Phạm Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Đồng thời Phạm Lương Gia N1, sinh ngày 26/12/2018 cho bà Lương Thị Anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không phải cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.6] Bên cạnh đó ông Phạm Thanh N và bà Lương Thị Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: ông Phạm Thanh N và bà Lương Thị Anh T đã xác định không tranh chấp do tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: ông Phạm Thanh N và bà Lương Thị Anh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy ông Phạm Thanh N chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự ông Phạm Thanh N, bà Lương Thị Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Thanh N với bà Lương Thị Anh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh N được ly hôn với bà Lương Thị Anh T.

2/ Về con chung: ông Phạm Thanh N với bà Lương Thị Anh T thống nhất xác định có 02 con chung tên: Phạm Lương Gia N1, sinh ngày: 26/12/2018 (hiện nay con đang ở với bà Lương Thị Anh T) và Phạm Lương Gia H, sinh ngày 10/07/2022 (hiện nay đang sống chung với ông Phạm Thanh N).

- Ông Phạm Thanh N với bà Lương Thị Anh T thống nhất thỏa thuận:

+ Giao con chung tên Phạm Lương Gia H, sinh ngày 10/7/2022 cho ông Phạm Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Bà Lương Thị Anh T không phải cấp dưỡng cho con.

+ Giao con chung tên Phạm Lương Gia N1, sinh ngày: 26/12/2018 cho bà Lương Thị Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Phạm Thanh N không phải cấp dưỡng cho con.

* Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Lương Thị Anh T và ông Phạm Thanh N mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Ông Phạm Thanh N với bà Lương Thị Anh T thống nhất xác định tự thỏa thuận xong, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Ông Phạm Thanh N với bà Lương Thị Anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 1.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011207, ngày 04/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Hoàn trả cho ông Phạm Thanh N số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 1.000.000 (Một triệu) đồng. Bà Lương Thị Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Thanh N, bà Lương Thị Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- P.GĐKT, TTr & THA TAND TP.CT;
- Dương sự;
- VKSND khu vực 10 – Cần Thơ;
- THADS Cần Thơ;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thái Ngọc